

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59, 60 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 06 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 194/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân T.

Nơi cư trú: Xóm 4, xã L Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Phạm Thị H.

Nơi cư trú: Xóm 4, xã L Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: C5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Hữu Trang – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Yên Thành.

-Ông Phạm Xuân K.

Nơi cư trú: Xóm 4, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

-Chị Phạm Thị T.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã C Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho anh Phạm Xuân T được quyền sử dụng, sở hữu tài sản gồm:

1) 196 m² đất ở (kí hiệu ONT/396B), tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 14, vị trí: xóm 4, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, có kích thước: chiều rộng phía đông giáp đường, dài 7m; chiều rộng phía tây giáp nương tiêu, dài 4,59m, chiều dài phía bắc giáp thửa đất số 396A, dài 29,66m; chiều dài phía nam giáp thửa số 299, là đường gấp khúc dài (5,02m + 2,82m + 6,11m + 14,28m + 2.10m) . giá trị 431.200.000 đồng.

2) 01 nhà ống cấp 4 giá trị 100.000.000 đồng.

3) Công trình phụ (nhà tắm, vệ sinh, bếp) giá trị 80.000.000 đồng.

4) Mái tôn chống nóng trước nhà cấp 4 giá trị 6.000.000 đồng.

5) 01 xe máy Yama ha giá trị 2.000.000 đồng.

6) 01 bộ bàn ghế salon giá trị 14.000.000 đồng.

7) 01 ti vi sam sung giá trị 5.000.000 đồng.

8) 01 máy điều hòa giá trị 4.000.000 đồng.

9) 01 máy rửa xe toàn phát giá trị 1.050.000 đồng.

10) 01 máy hàn jasic giá trị 180.000 đồng.

11) 01 máy bơm nước giá trị 100.000 đồng.

12) 01 máy nóng lạnh ariston cũ giá trị 200.000 đồng.

13) 01 tủ lạnh giá trị 700.000 đồng.

14) 02 bồn Inox Sơn Hà giá trị 3.000.000 đồng.

15) 01 máy lọc nước giá trị 1.000.000 đồng.

16) 01 Bộ loa đài và âm ly giá trị 1.200.000 đồng.

17) 01 bếp ga giá trị 150.000 đồng.

Tổng giá trị 649.780.000 (Sáu trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

2.2. Chị Phạm Thị T có nghĩa vụ trả nợ 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng cho anh Phạm Xuân T. Anh Phạm Xuân T được quyền sở hữu số tiền 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng do chị Phạm Thị T trả.

2.3. Anh Phạm Xuân T có nghĩa vụ trả nợ 37.500.000 (Ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng cho ông Phạm Xuân K.

2.4. Anh Phạm Xuân T có nghĩa vụ trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền cho anh T (số tiền anh T trả nợ chung sau khi đã ly hôn).

2.5. Giao cho chị Phạm Thị H được quyền sử dụng, sở hữu tài sản gồm:

1) 196 m² đất ở (kí hiệu ONT/396A), tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 14, vị trí: xóm 4, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, có kích thước: chiều rộng phía đông giáp đường, dài 7,37m; chiều rộng phía tây giáp mương tiêu, dài 6,31m, chiều dài phía bắc giáp thửa đất số 395, dài 29,66m; chiều dài phía nam giáp thửa số 396B, dài 29,66m. giá trị 431.200.000 đồng.

2) Mái tôn trước nhà cấp 4 nằm phía đất trồng giá trị 13.500.000 đồng.

3) 01 xe máy Honda giá trị 9.000.000 đồng.

4) 01 xe đạp điện okinaWa giá trị 2.000.000 đồng.

5) 01 máy giặt giá trị 4.500.000 đồng.

6) 01 bộ phản gỗ giá trị 1.100.000 đồng.

Tổng giá trị 461.300.000 (Bốn trăm sáu mươi một triệu, ba trăm nghìn) đồng.

2.6. Chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả nợ 50.142.000 (Năm mươi triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng (trong đó: nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ tiền lãi 142.000 đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành 19/06/2023 chị Phạm Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.7. Anh Phạm Xuân T có nghĩa vụ phải giao 106.561.000 (Một trăm linh sáu triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn) đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị Phạm Thị Hiếu. Chị Phạm Thị H được nhận 106.561.000 đồng do anh Phạm Xuân T giao.

2.8. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

2.9. Chị Phạm Thị H có nghĩa vụ giao tài sản trên cho anh Phạm Xuân T.

2.10. Án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ tài sản là 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị Phạm Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về: chia tài sản là 13.330.800 đồng, thực hiện nghĩa vụ tài sản là 1.220.500 đồng. Tổng là 14.551.300 (Mười bốn triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, ba trăm) đồng.

Anh Phạm Xuân T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về: chia tài sản là 13.330.800 đồng, thực hiện nghĩa vụ tài sản là 1.220.500 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 12.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000786 ngày 25 tháng 04 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Anh

Phạm Xuân T còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.151.300 (Hai triệu, một trăm năm mươi một nghìn, ba trăm) đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ